TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; ông Phạm Đình Bông.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung – chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2023/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2023, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1983 (có mặt).

Trú tại: Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Du P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị Phan Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Du P chung sống từ tháng 4/2005, đến ngày 13/12/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Chị L và anh P kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc cho đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P ngoại tình với người khác nên vợ chồng ly thân, lúc đó anh P trở về nhà mẹ đẻ sinh sống tại buôn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên sau đó anh P hứa thay đổi để về chung sống với vợ và con được một thời gian nhưng bản tính vẫn không thay đổi, hơn nữa anh P từ khi chấp hành xong hình phạt tù cho tới nay, anh P không lo tu chí làm ăn, đi làm kiếm tiền cũng chưa bao giờ đem tiền về phụ vợ để nuôi con, giữa anh chị có quá nhiều bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hòa hợp, hiện nay chị L và anh P đã sống ly thân từ năm 2023 cho

đến nay. Nay chị L và anh P không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin được ly hôn với anh Nguyễn Du P.

- Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012. Chị L có nguyện vọng được nuôi 02 con Nguyễn Phan Quốc G và Nguyễn Phan Quốc B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L không yêu cầu anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Du P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Du P và chị Phan Thị L chung sống từ tháng 4/2005, đến ngày 13/12/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Anh P và chị L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L cho rằng anh P có ngoại tình, anh chị cũng có cãi nhau chuyện hàng ngày trong cuộc sống như việc chăm sóc gia đình con cái. Anh P và chị L ly thân từ cuối tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân cho đến nay anh chị không ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng anh P vẫn còn thương yêu chị L. Nay anh P không đồng ý ly hôn với chị L, lý do anh P vẫn còn yêu thương chị L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Du P và chị Phan Thị L có 02 con chung Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012.

Anh P đồng ý giao con chung Nguyễn Phan Quốc G và Nguyễn Phan Quốc B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng thì anh P không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L được ly hôn anh Nguyễn Du P.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012 cho chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Phan Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Du P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị L và anh Nguyễn Du P có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Bị đơn là anh Nguyễn Du P có địa chỉ tại Buôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Du P kết hôn ngày 13/12/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị L, sau khi kết hôn vợ chồng chị L và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng anh chị đã không còn sống chung với nhau từ cuối tháng 02 năm 2023 đến nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị L không còn tình cảm với anh P, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị L và anh P sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị L và anh P có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị L và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Các đương sự thừa nhận có 02 con chung là Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012. Anh Nguyễn Du P đồng ý giao con chung cho chị Phan Thị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Phan Quốc G và Nguyễn Phan Quốc B đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị L được nuôi con Nguyễn Phan Quốc G và Nguyễn Phan Quốc B. Quá trình giải quyết vụ án, anh P đồng ý giao con chung là Nguyễn Phan Quốc G và Nguyễn Phan Quốc B cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, phù hợp với lời khai cháu G và B có nguyện vọng sống cùng chị L. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012 cho chị Phan Thị L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phan Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Du P cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007368 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L được ly hôn anh Nguyễn Du P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phan Quốc G, sinh ngày 22/02/2006 và Nguyễn Phan Quốc B, sinh ngày 28/6/2012 cho chị Phan Thị L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phan Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Du P cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị L và anh Nguyễn Du P có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007368 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi